việc quản lý, sử dụng tài chính và tài sản của Hiệp hội phù hợp với quy định của Nhà nước và luật kế toán.

2. Ban kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra và báo cáo tài chính, tài sản công khai hàng năm cho hội viên biết.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng.

Những hội viên, thành viên Ban Chấp hành Hiệp hội, Ban Kiểm tra, cán bộ, nhân viên của Hiệp hội có nhiều thành tích đóng góp vào sự nghiệp phát triển ngành chăn nuôi gia cầm, xây dựng Hiệp hội sẽ được Hiệp hội khen thưởng xứng đáng và có thể được Hiệp hội đề nghị các cơ quan Nhà nước khen thưởng.

Điều 26. Kỷ luật.

Hội viên, thành viên Ban Chấp hành Hiệp hội, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, cán bộ, nhân viên của Hiệp hội nào hoạt động trái với Điều lệ, Nghị quyết của Hiệp hội, làm tổn thương đến uy tín, danh dự của Hiệp hội, bỏ sinh hoạt thường kỳ nhiều lần không có lý do chính đáng, không đóng hội phí một năm, sẽ tùy mức độ mà phê bình, khiển trách, cảnh cáo hoặc xóa tên trong danh sách Hội viên hoặc đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Bản Điều lệ này có 7 chương, 27 điều đã được Đại hội Hiệp hội chăn nuôi gia cầm Việt Nam lần thứ I nhất trí thông qua ngày 04/11/2003 và được Đại hội bất thường sửa đổi, bổ sung. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội Đại biểu toàn quốc Hiệp hội chăn nuôi gia cầm Việt Nam nhất trí kiến nghị và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có giá trị thực hiện./.

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nội vụ số 55/2004/QĐ-BNV ngày 17/8/2004 về việc phê duyệt Điều lệ Hội Di sản văn hóa Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 quy định về quyền lập Hội;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Di sản văn hóa Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ của Hội Di sản văn hóa Việt Nam đã được Đại hội thành lập Hội Di sản văn hóa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 7 năm 2004.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Di sản văn hóa Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Thứ trưởng

Đặng Quốc Tiến

ĐIỀU LỆ Hội Di sản văn hóa Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu trưng

1. Tên chính thức: Hội Di sản văn hóa Việt Nam.

2. Tên tiếng Anh: Cultural Heritage Association of Vietnam.

3. Tên viết tắt: CHAV.

4. Hội có biểu trưng và bài hát chính thức.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động

Hội Di sản văn hóa Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội nghề nghiệp tập hợp các tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động nghề nghiệp hoặc có tâm huyết với di sản văn hóa nhằm góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, đáp ứng nhu cầu về văn hóa ngày càng cao của nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và đóng góp vào kho tàng di sản văn hóa thế giới; góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của nhân dân trong việc tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo tinh thần của Luật Di sản văn hóa.

Điều 3. Phạm vi hoạt động

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Hội hoạt động trong phạm vi cả nước, chịu sự quản lý nhà nước và bảo trợ của Bộ Văn hóa - Thông tin. Hội quan hệ thường xuyên với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc chung về tổ chức và hoạt động

Tổ chức và hoạt động của Hội thực hiện theo nguyên tắc: tự nguyện, tự quản, tự trang trải kinh phí; tập trung dân chủ; tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; quyết định theo đa số; tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội.

Điều 5. Tư cách pháp nhân, trụ sở

Hội hoạt động độc lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu (dấu tròn ướt và dấu nổi nhỏ) và tài khoản riêng. Trụ sở Trung ương Hội đặt tại Hà Nội. Hội có văn phòng đại diện tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và khu vực.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI

Điều 6. Nhiệm vụ của Hội

1. Tập hợp, đoàn kết và đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác giữa các tổ chức, cá nhân thành viên; thúc đẩy trao đổi thông tin, lý luận, kinh nghiệm hoạt động thực tiễn về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc;

2. Tuyên truyền, nâng cao dân trí, vận động các tổ chức, cá nhân quan tâm đến di sản văn hóa, thúc đẩy sự nghiệp xã hội hóa nhằm huy động mọi nguồn lực phục vụ sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

3. Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao kiến thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa cho hội viên và các chủ sở hữu di sản;

4. Hỗ trợ phát triển hoạt động nghề nghiệp về di sản văn hóa;

5. Nghiên cứu đề xuất với Đảng, Nhà nước các chính sách, biện pháp nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc;

6. Tham gia tư vấn, phản biện, giám định, đánh giá các đề tài, đề án, công trình về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước; tham gia hoặc trực tiếp tổ chức thực hiện các đề tài, đề án, công trình về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

7. Nghiên cứu ứng dụng, phổ biến thành tựu khoa học và công nghệ về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

8. Thiết lập và mở rộng hợp tác với các tổ chức, cá nhân nước ngoài về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo quy định của pháp luật;

9. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên; tham gia đấu tranh bảo vệ

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

quyền và lợi ích hợp pháp về di sản văn hóa của Việt Nam với quốc tế;

10. Tuyên truyền, vận động phát triển hội viên mới.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Hội

Quyền và nghĩa vụ của Hội Di sản văn hóa Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 22 và Điều 23 Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội.

Hội Di sản văn hóa Việt Nam được thành lập các tổ chức trực thuộc theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên

Cá nhân, tổ chức Việt Nam đủ điều kiện là hội viên theo quy định của Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội đều có thể trở thành hội viên của Hội Di sản văn hóa Việt Nam. Hội viên Hội Di sản văn hóa Việt Nam gồm hội viên chính thức và hội viên tán trợ.

1. Hội viên chính thức:

a) Công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có tâm huyết với việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, thừa nhận và tự nguyện thực hiện Điều lệ Hội.

b) Pháp nhân Việt Nam, không trong thời gian bị xem xét giải thể hoặc phá sản, tích cực tham gia công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, thừa nhận và tự nguyện thực hiện Điều lệ Hội.

2. Hội viên tán trợ:

Các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, có đóng góp cho hoạt động của Hội thì có thể được Thường trực Ban Chấp hành Trung ương Hội xem xét công nhận là hội viên tán trợ.

Điều 9. Nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Hội, nghị quyết, quyết định của tổ chức Hội;

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ Hội giao;

3. Học tập nâng cao kiến thức, năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp;

4. Giữ gìn đoàn kết, thống nhất trong Hội; bảo vệ uy tín của Hội; tích cực tham gia công tác phát triển hội viên;

5. Sinh hoạt và đóng hội phí theo quy định.

Điều 10. Quyền của hội viên

1. Được cấp Thẻ hội viên;

2. Được yêu cầu các tổ chức Hội bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Ứng cử, đề cử, bầu cử và biểu quyết các công việc của Hội;

4. Phê bình, chất vấn, kiến nghị về hoạt động của tổ chức Hội và hội viên;

5. Tham gia các hoạt động do Hội tổ chức; được ưu tiên nghiên cứu, tham quan các bảo tàng, di tích, danh lam, thắng cảnh là tổ chức thành viên của Hội; được Hội cử đi tham quan, học tập, công tác trong nước và nước ngoài khi có điều kiện;

6. Được tổ chức Hội cung cấp thông tin và tạo điều kiện trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Hội viên tán trợ có các quyền trên đây, trừ quyền ứng cử, đề cử, bầu cử và biểu quyết các công việc của Hội.

Điều 11. Chấm dứt tư cách hội viên

Tư cách hội viên Hội Di sản văn hóa Việt Nam sẽ bị chấm dứt trong những trường hợp sau:

1. Cá nhân bị mất quyền công dân Việt Nam;

2. Cá nhân thôi quốc tịch Việt Nam;

3. Pháp nhân bị giải thể, phá sản;

4. Không đóng hội phí 12 tháng liên tiếp hoặc 18 tháng cộng dồn mà không có lý do chính đáng;

5. Có đơn tự nguyện xin ra khỏi Hội.

Khi bị chấm dứt tư cách, hội viên phải trả lại Thẻ hội viên cho tổ chức Hội nơi sinh hoạt.

Chương IV

TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 12. Nguyên tắc tổ chức của Hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Di sản văn hóa Việt Nam là Đại hội đại biểu toàn quốc, nhiệm kỳ 5 năm. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của tổ chức Hội cấp dưới là đại hội của tổ chức đó, nhiệm kỳ 5 năm.

2. Cơ quan lãnh đạo của tổ chức Hội giữa hai kỳ đại hội là Ban Chấp hành.

3. Thường trực Ban Chấp hành là bộ phận thường trực lãnh đạo hoạt động của tổ chức Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

4. Ban Chấp hành của tổ chức Hội báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp và trước Ban Chấp hành của tổ chức Hội cấp trên.

5. Ban Chấp hành và Thường trực Ban Chấp hành của các tổ chức Hội ban hành nghị quyết để giải quyết công việc trong phạm vi thẩm quyền. Nghị quyết chỉ có giá trị thi hành khi có trên 1/2 (một phần hai) số thành viên tán thành, phù hợp Điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Nghị quyết của Ban Chấp hành, thường trực Ban Chấp hành tổ chức Hội cấp dưới phải phù hợp với các quy định và chỉ đạo của Trung ương Hội.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 13. Tổ chức Hội

Tổ chức của Hội gồm:

1. Trung ương Hội và các tổ chức trực thuộc Trung ương Hội;

2. Hội thành viên (là các hội địa phương thành lập theo quy định của pháp luật);

3. Tổ chức cơ sở của Hội là các chi hội, liên chi hội, câu lạc bộ...

Điều 14. Các nguyên tắc tổ chức đại hội

Chậm nhất ba tháng trước khi kết thúc nhiệm kỳ, Ban Chấp hành đương nhiệm triển khai công tác chuẩn bị đại hội.

1. Đại biểu dự đại hội gồm:

a) Ủy viên Ban Chấp hành đương nhiệm;

b) Đại biểu do đại hội của tổ chức Hội cấp dưới bầu;

c) Đại biểu do Thường trực Ban Chấp hành đương nhiệm chỉ định.

Đại hội chỉ hợp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu được triệu tập tham dự.

2. Nội dung đại hội:

a) Báo cáo hoạt động nhiệm kỳ trước và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới;

b) Bầu Ban Chấp hành nhiệm kỳ tới;

c) Sửa đổi Điều lệ Hội (nếu có);

d) Báo cáo tài chính;

đ) Các văn kiện quan trọng khác.

3. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên đề nghị.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định tại đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tán thành.

Điều 15. Ban Chấp hành của các tổ chức Hội

1. Ban Chấp hành do đại hội của tổ chức Hội đó bầu ra trong số đại biểu chính thức của đại hội. Số lượng thành viên Ban Chấp hành do đại hội quyết định.

2. Kết quả bầu cử của đại hội của tổ chức cơ sở Hội phải được Ban Chấp hành Hội Di sản văn hóa Việt Nam phê chuẩn.

3. Trong nhiệm kỳ, Ban Chấp hành có thể bầu bổ sung Ủy viên nhưng không vượt quá 25% (hai mươi lăm phần trăm) tổng số Ủy viên do đại hội đã bầu.

4. Đối với tổ chức cơ sở của Hội mới thành lập, Thường trực Ban Chấp hành Hội Di sản văn hóa Việt Nam trực tiếp chỉ định Ban Chấp hành lâm thời.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

5. Thành viên Ban Chấp hành xin miễn nhiệm phải được Thường trực Ban Chấp hành phê chuẩn.

6. Nhiệm vụ của Ban Chấp hành:

a) Bầu các chức danh lãnh đạo và bầu Ban Kiểm tra;

b) Phân công các Ban Chuyên môn;

c) Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Hội (nếu có);

d) Tổ chức triển khai nghị quyết của đại hội và chương trình hoạt động của Hội;

đ) Quyết định thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định chế độ làm việc của Thường trực Ban Chấp hành;

g) Chuẩn bị đại hội thường kỳ và bất thường;

h) Bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành và kỷ luật thành viên Ban Chấp hành.

7. Ban Chấp hành họp thường kỳ 6 tháng một lần, họp bất thường khi Thường trực Ban Chấp hành xét thấy cần hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số Ủy viên Ban Chấp hành đề nghị. Ban Chấp hành ra nghị quyết. Nghị quyết chỉ có giá trị khi có trên 1/2 (một phần hai) số Ủy viên tán thành.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành bầu gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Số lượng thành viên Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành quyết định. Trưởng ban Kiểm tra phải là thành viên của Ban Chấp hành.

2. Ban Kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành.

3. Ban Kiểm tra có nhiệm vụ:

a) Kiểm tra tư cách hội viên theo tiêu chuẩn và nhiệm vụ của hội viên;

b) Kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết của đại hội và nghị quyết của Ban Chấp hành;

c) Kiểm tra việc khen thưởng, kỷ luật;

d) Kiểm tra việc thu, chi tài chính;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Điều 17. Thường trực Ban Chấp hành Trung ương Hội

1. Thường trực Ban Chấp hành Trung ương Hội gồm: Chủ tịch danh dự, Chủ tịch, Phó Chủ tịch thường trực, các Phó Chủ tịch và Tổng Thư ký.

2. Nhiệm vụ:

a) Lãnh đạo hoạt động của Hội, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết của đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Hội và chương trình hoạt động của Hội;

b) Quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương Hội;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Chỉ đạo công tác xây dựng và phát triển Hội. Quyết định các vấn đề về tổ chức cán bộ của Hội. Quyết định việc cấp thẻ hội viên;

d) Quyết định việc khen thưởng;

đ) Quyết định công nhận hội viên tán trợ của Hội;

e) Báo cáo công việc trước Ban Chấp hành Trung ương Hội.

3. Thường trực Ban Chấp hành Trung ương Hội họp thường kỳ 1 tháng một lần, họp bất thường khi cần. Thường trực Ban Chấp hành ra nghị quyết. Nghị quyết chỉ có giá trị khi có trên 1/2 (một phần hai) số thành viên tán thành.

Điều 18. Chủ tịch Hội Di sản văn hóa Việt Nam

1. Chủ tịch danh dự là người được Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Di sản văn hóa Việt Nam suy tôn.

2. Chủ tịch là người đứng đầu Hội. Chủ tịch phân công các Phó Chủ tịch lãnh đạo từng mặt công tác của Hội. Khi Chủ tịch đi vắng, Phó Chủ tịch thường trực thực hiện các nhiệm vụ của Chủ tịch.

3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch và Phó Chủ tịch theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Hội. Khi hết nhiệm kỳ, Chủ tịch tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Ban Chấp hành Trung ương Hội khóa mới bầu Chủ tịch mới.

4. Nhiệm vụ của Chủ tịch:

a) Chủ tọa các phiên họp của Thường trực Ban Chấp hành Trung ương Hội và của Ban Chấp hành Trung ương Hội;

b) Ký các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Hội và của Thường trực Ban Chấp hành Trung ương Hội;

c) Trên cơ sở nghị quyết của Ban Chấp hành và nghị quyết của Thường trực Ban Chấp hành Trung ương Hội, ký các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức thủ trưởng các tổ chức trực thuộc Trung ương Hội, thẻ hội viên.

Điều 19. Tổng Thư ký Hội Di sản văn hóa Việt Nam

Tổng Thư ký là người điều hành công việc hàng ngày của Hội. Nhiệm kỳ Tổng Thư ký theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Hội. Tổng Thư ký có nhiệm vụ:

1. Điều hòa, phối hợp hoạt động và công tác đối nội, đối ngoại hàng ngày của Hội;

2. Lãnh đạo công tác của Văn phòng Trung ương Hội. Tổ chức quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội;

3. Giúp Thường trực Ban Chấp hành Trung ương Hội đôn đốc công tác xây dựng Hội, quản lý các tổ chức của Hội, chuẩn bị các nội dung trình Thường trực và Ban Chấp hành Trung ương Hội.

4. Ký các văn bản hành chính, văn bản hợp tác với các tổ chức, cá nhân có liên quan của Hội và các văn bản khác

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

theo phân công của Thường trực Ban Chấp hành Trung ương Hội hoặc của Chủ tịch Hội.

Điều 20. Tổ chức trực thuộc Trung ương Hội

Các tổ chức trực thuộc Trung ương Hội gồm:

1. Văn phòng Trung ương Hội;

2. Các Ban chuyên môn;

3. Cơ quan ngôn luận;

4. Quỹ Di sản văn hóa của Hội;

5. Các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

Tài chính, tài sản của Hội gồm:

1. Hội phí do hội viên đóng góp;

2. Tài sản, kinh phí tài trợ của Nhà nước;

3. Tài sản, tài chính tặng, tài trợ của các tổ chức và cá nhân;

4. Kinh phí từ các hoạt động có thu hợp pháp;

5. Các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định thống nhất nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Hội, mức đóng hội phí của hội viên. Ban Chấp hành Trung ương Hội hàng năm nghe báo cáo và quyết định nhiệm vụ tài chính của Trung ương Hội.

Điều 23. Giải quyết tài chính, tài sản khi Hội giải thể

Việc giải quyết tài chính, tài sản khi giải thể Hội thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 24. Khen thưởng

1. Hội viên và các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho hoạt động của Hội và cho sự nghiệp bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa được Hội khen thưởng hoặc đề nghị Nhà nước khen thưởng.

2. Hình thức khen thưởng của Hội gồm:

- Kỷ niệm chương;

- Bằng khen;

- Giấy khen;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

- Tặng phẩm;

- Các hình thức khác.

Điều 25. Xử lý vi phạm

1. Hội viên vi phạm Điều lệ Hội sẽ bị xử lý theo các hình thức sau:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Cách chức vụ Hội;

d) Khai trừ ra khỏi Hội.

2. Chi hội và tổ chức trực thuộc Trung ương Hội vi phạm kỷ luật sẽ bị xử lý theo các hình thức sau:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Giải thể.

Chương VII

CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ HỘI

Điều 26. Chấp hành Điều lệ Hội

Tổ chức hội và hội viên phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Hội. Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội.

Ban Chấp hành Trung ương Hội có trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Điều lệ Hội.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Điều lệ Hội Di sản văn hóa Việt Nam có 7 chương gồm 27 điều, đã được Đại hội thành lập Hội Di sản văn hóa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2004 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ./.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn